

Số: 327/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/10/2021
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh;

Bà Trần Thị Oanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- *Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐST – HNGĐ ngày 14/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh 1951. Địa chỉ: TDP số 3, phường M, quận N, Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh 1949. Địa chỉ: TDP số 6, phường M, quận N, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L kết hôn năm 1973 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã M, huyện L, Hà Nội (nay là phường M, quận N, Hà Nội).

Theo ông T trình bày: Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không thành, chúng tôi đã sống ly thân 30 năm. Chúng tôi không thể hòa giải để chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn.

Theo bà L trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ. Kể từ khi ông T có qua lại bất chính với những người phụ nữ khác vợ

chồng không tìm được tiếng nói chung mặc dù gia đình đã hòa giải, can ngăn nhưng ông T không thay đổi. Chúng tôi đã sống ly thân. Chúng tôi đều đã cao tuổi nên không mong muốn ly hôn. Nếu ông T vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Ông, bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh 1974, Nguyễn Trọng T, sinh 1976 và Nguyễn Xuân T, sinh 1978. Các anh, chị đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho tôi được ly hôn bà Nguyễn Thị L. Con chung: Các con tôi đều đã trưởng thành. Tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn – bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Dừng phiên tòa xác minh địa chỉ nơi bà Nguyễn Thị L đang ở tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh N để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ kèm theo của ông Nguyễn Ngọc T đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy: Tại bản tự khai, đơn xin vắng mặt bà L đều trình bày: “*Đề nghị Tòa án gửi giấy triệu cho tôi theo địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh N. Đây là địa chỉ tôi ở tạm nhờ nhà con trai, không đăng ký tạm trú, tôi vẫn thường xuyên về TDP số 6, phường M, quận N, Hà Nội. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm giải quyết cho tôi*”.

Ông T cũng khẳng định: Địa chỉ của bà L ở TDP 6, phường M, quận N, Hà Nội và bà L vẫn thường xuyên về địa chỉ này.

Như vậy, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của ông T với bà Nguyễn Thị L có địa chỉ: TDP 6, phường M, quận N, Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị

Tòa dừng phiên tòa đi xác minh nơi bà Nguyễn Thị L đang ở tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh N là không cần thiết.

Ngày 15/10/2021, bà L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét, đề nghị của bà L không trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử bình thường vắng mặt bị đơn – bà L theo quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Xét yêu cầu “*Xin ly hôn*” của ông T với bà L, Hội đồng xét xử thấy: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L kết hôn năm 1973 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã M, huyện L, Hà Nội (nay là phường M, quận N, Hà Nội). Hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Theo ông T trình bày: Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không thành, chúng tôi đã sống ly thân được hơn 20 năm, không ai quan tâm tới ai nữa. Cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại nên đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn để giải phóng cho nhau về mặt pháp lý.

Theo bà L trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ. Kể từ khi ông T có qua lại bất chính với những người phụ nữ khác vợ chồng không tìm được tiếng nói chung mặc dù gia đình đã hòa giải, can ngăn nhưng ông T không thay đổi. Chúng tôi đã sống ly thân. Chúng tôi đều đã cao tuổi nên không mong muốn ly hôn. Nếu ông T vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của ông T, bà L thể hiện: Cuộc sống hôn nhân của ông bà không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T xin ly hôn là hoàn toàn phù hợp với thực tế, không trái quy định của pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T với bà L. Cho ông T được ly hôn bà L.

- Con chung: Ông, bà có 03 con chung là chị Nguyễn Thị Thu H, sinh 1974, anh Nguyễn Trọng T, sinh 1976 và anh Nguyễn Xuân T, sinh 1978. Các anh, chị đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[III] Về án phí: Ông T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm

a, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc T với bà Nguyễn Thị L. Cho ông T được ly hôn bà L.

2/ **Về con chung:** Ông, bà có 03 con chung là chị Nguyễn Thị Thu H, sinh 1974, anh Nguyễn Trọng T, sinh 1976 và anh Nguyễn Xuân T, sinh 1978. Các anh, chị đều đã trưởng thành.

3/ **Tài sản chung:** Ông T không yêu cầu Tòa giải quyết.

4/ **Về án phí:** Ông T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000đ theo biên lai số 00033572 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận: - TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Nam Từ Liêm;
- VKS TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND P. M, Q. N, Hà Nội (Số: 37/1973);
- Lưu hồ sơ; - Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị An